

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN THUỐC, NHU CẦU THÔNG TIN THUỐC CỦA CÁN BỘ Y TẾ TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Lâm Quang Khải^{1*}, Phạm Thành Suôi², Đặng Thanh Hồng²

1. Sở Y tế thành phố Cần Thơ

2. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

*Email: dskhai.vt@gmail.com

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Thông tin thuốc (TTT) thuộc lĩnh vực dược lâm sàng, TTT có mặt ở rất nhiều dạng, dưới hình thức bản in cũng như bản lưu điện tử, nên dễ tiếp cận hơn, bác sĩ và dược sĩ có đầy đủ thông tin về thuốc gốc và biệt dược, chỉ định và chống chỉ định, thuốc sử dụng trong điều trị cùng với các lựa chọn thay thế, chú ý trước khi sử dụng thuốc, tương tác thuốc, tác dụng phụ, dạng thuốc và hiệu quả của dạng thuốc đó, giá thành điều trị. **Mục tiêu nghiên cứu:** Đánh giá tình hình hoạt động và các nhu cầu về TTT của cán bộ y tế (CBYT) tại Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ năm 2020. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu thực hiện bằng phương pháp mô tả cắt ngang có phân tích trên đối tượng là các CBYT có trình độ chuyên môn từ trung học trở lên đang làm công tác chuyên môn tại khoa lâm sàng Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ từ 06/2020 đến 12/2020. **Kết quả:** Khảo sát 146 cán bộ y tế tại 7 khoa chuyên môn, trong đó nam giới có 69 cán bộ, nữ giới là 77 cán bộ, có 68 bác sĩ tham gia nghiên cứu chiếm 46,6 % trong mẫu nghiên cứu và 78 điều dưỡng tham gia nghiên cứu 53,4% mẫu nghiên cứu, nhiều nhất là khoa hồi sức cấp cứu 29 cán bộ (19,9%) và khoa hồi sức tích cực-chống độc 33 cán bộ (22,6%), khoa Gây mê hồi sức 21 cán bộ (14,4%). Đa số các CBYT đều đánh giá mức độ đáp ứng TTT là bình thường và tốt chiếm 94,4%, Thời gian cán bộ cập nhật và phản hồi thông tin thuốc mỗi ngày chiếm 41,8%, Hình thức trao đổi TTT chủ yếu dựa vào sách báo, tạp chí chuyên ngành chiếm 49,3% và tờ hướng dẫn sử dụng thuốc 47,9%, mức độ cần thiết của TTT đối với công việc, trong đó mức độ rất cần thiết ở bác sĩ chiếm 46,7% và ở điều dưỡng 53,3%. **Kết luận:** Mức độ đáp ứng TTT tốt chiếm 58,9%, bình thường 35,5% và chưa tốt 5,6%. TTT dùng qua tài liệu phát tay chiếm 55,5%, giao ban chiếm 52,7%. Mức độ rất cần thiết về nhu cầu trung tâm cung cấp TTT chiếm 70,5%, cần thiết 29,5%. Hình thức trao đổi TTT qua sách báo, tạp chí chuyên ngành 49,3%, tờ hướng dẫn sử dụng thuốc 47,9%. Mức độ cần thiết của TTT cho công việc ở bác sĩ 46,7%, điều dưỡng 53,3%.

Từ khóa: thông tin thuốc, dược lâm sàng.

ABSTRACT

ACTIVITIES OF MEDICINE INFORMATION, MEDICINE INFORMATION NEEDS OF MEDICAL STAFFS AT CAN THO GENERAL HOSPITAL

Lam Quang Khai^{1*}, Phạm Thành Suôi², Đặng Thanh Hồng²

1. Health Service Department of Can Tho City

2. Can Tho University of Medicine and Pharmacy

Background: Drug information (DI) is in the field of clinical pharmacy, DI is available in many forms, in printed form as well as electronic archives, so it is more accessible, doctors and pharmacists have full information about generic and brand-name drugs, indications and contraindications, drugs used in treatment with alternatives, caution before using drugs, drug interactions, side effects, drug form, and efficacy of the form that drug, the cost of treatment. **Objectives:** Assessment activities of medicine information and medicine information needs of medical staff (MS) at Can Tho City General Hospital by 2020. **Materials and methods:** MS with

high school or higher qualifications are doing professional work in the clinical department Can Tho City General Hospital. Cross-sectional descriptive method has analysis from 06/2020 to 12/2020. **Results:** Surveyed 146 MS in 7 specialized faculties, in which there were 69 male staff, 77 women, 68 doctors participating in the study, accounting for 46.6% and 78 nurses 53.4%, the most being the emergency resuscitation department with 29 staff members (19.9%) and the 33-staff intensive care-poisoning department (22.6%), Department of Anesthesia and resuscitation 21 staff (14.4%). Most MS evaluated that the response to contraction was normal and good, accounting for 94.4%. The time for staff to update and respond to DI every day accounts for 41.8%, The form of DI exchange is mainly based on books, magazines, 49.3% and drug instructions. 47.9%, and the essential level of DI for the job, of which the very necessary level in doctors accounts for 46.7% and nurses 53.3%. **Conclusion:** The rate of response to good DI is good at 58.9%, normal 35.5% and not good 5.6%. DI mainly used hand-out materials accounted for 55.5% and briefings accounted for 52.7%. Very necessary levels of the need for drug information centers account for 70.5% and essential levels 29.5%. The form of exchanging DI through specialized books, magazines 49.3%, and medicine guide sheets 47.9%. The essential level of DI for the work of doctors 46.7%, nurses 53.3%.

Keywords: drug information, clinical pharmacy.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thông tin thuốc (TTT) thuộc lĩnh vực dược lâm sàng [2]. Cung cấp thông tin thuốc là nhiệm vụ cơ bản của người dược sĩ nhằm đảm bảo sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và hiệu quả - một trong những mục tiêu hàng đầu trong công tác điều trị. TTT có mặt ở rất nhiều dạng, dưới hình thức bản in cũng như bản lưu điện tử [8]. TTT càng ngày càng trở nên dễ tiếp cận hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thông tin thuốc của người dược sĩ nhưng đồng thời cũng đưa ra những thách thức lớn. Bác sĩ và dược sĩ cần đầy đủ thông tin về thuốc gốc và biệt dược, chỉ định và chống chỉ định của thuốc, thuốc sử dụng trong điều trị cùng với các lựa chọn thay thế, chú ý trước khi sử dụng thuốc, tương tác thuốc, tác dụng phụ, dạng thuốc và hiệu quả của dạng thuốc đó, giá thành điều trị, nhu cầu thông tin thuốc chính xác, kịp thời dành cho bệnh nhân cũng như CBYT càng trở nên cấp thiết [9].

Hoạt động TTT tại khoa dược của bệnh viện đa khoa thành phố Cần Thơ đang được triển khai từng bước và có nhiều khó khăn, hoạt động chính của thông tin thuốc là trả lời câu hỏi liên quan đến sử dụng thuốc từ cán bộ y tế còn lúng túng và triển khai song song với công tác dược lâm sàng. Xuất phát từ thực tế đó, chúng tôi tiến hành thực hiện nghiên cứu này với mục tiêu nghiên cứu: Đánh giá hoạt động thông tin thuốc và các nhu cầu về thông tin thuốc của cán bộ y tế tại Bệnh viện đa khoa thành phố Cần Thơ năm 2020.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Các CBYT có trình độ chuyên môn từ trung học trở lên đang làm công tác chuyên môn tại khoa lâm sàng Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ.

Tiêu chuẩn chọn mẫu

Các CBYT có trình độ chuyên môn từ trung học trở lên đang làm công tác chuyên môn tại khoa lâm sàng Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ trong thời gian tiến hành thu thập số liệu

Tiêu chuẩn loại trừ

Các CBYT có trình độ chuyên môn từ trung học trở lên đang làm công tác chuyên

môn tại khoa lâm sàng Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ hiện đang đi học dài hạn

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích
- **Cỡ mẫu:**

$$\text{Cỡ mẫu được tính theo công thức: } n = \frac{Z_{(1-\alpha/2)}^2 \cdot p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó: n: Số đối tượng nghiên cứu;

α : Xác suất sai lầm loại 1, chọn $\alpha = 0,05$;

Z: Trị số từ phân phối chuẩn, với $\alpha = 0,05$ thì $Z=1,96$ và d: sai số cho phép, chọn $d = 0,08$.

Giá trị $p = 0,744$ (tỷ lệ có nhu cầu thông tin thuốc của bác sĩ và điều dưỡng tại Bệnh viện Ung Bướu thành phố Cần Thơ 2019 của Phan Khắc Hoàng [5]).

Thay các giá trị vào công thức tính được $n=114$.

→ Thực tế chúng tôi thu thập được $n = 146$ mẫu nghiên cứu.

- Phương pháp chọn mẫu:

Tính tổng số bác sĩ, điều dưỡng đang làm việc tại các khoa lâm sàng Bệnh viện Đa Khoa Thành phố Cần Thơ. Căn cứ trên danh sách phân loại theo bác sĩ và điều dưỡng tại mỗi khoa lâm sàng để tính số lượng từng nhóm CBYT tại mỗi khoa tham gia khảo sát. Sau đó, CBYT được lựa chọn dựa theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện có mặt tại thời điểm nghiên cứu.

- Nội dung nghiên cứu:

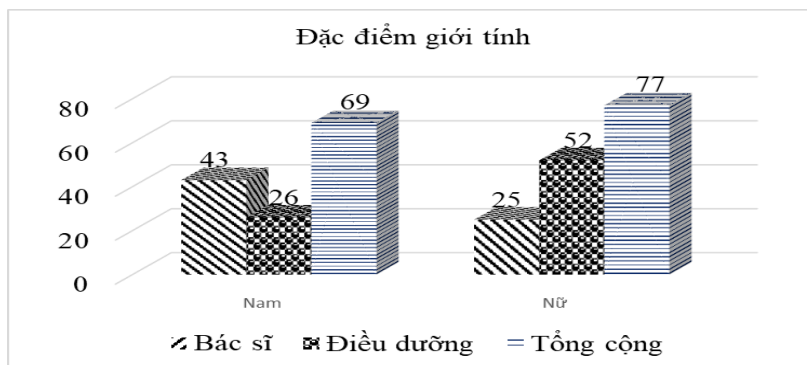
Để tiến hành xác định điều kiện triển khai hoạt động thông tin thuốc tại bệnh viện Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ bằng phiếu phỏng vấn được thiết kế sẵn.

Đặc điểm chung của cán bộ y tế trong mẫu nghiên cứu: giới tính, trình độ chuyên môn.

Đánh giá các hoạt động thông tin thuốc tại Bệnh viện đa khoa thành phố Cần Thơ năm 2020: Đánh giá mức độ cần thiết của thông tin thuốc, hoạt động thông tin thuốc từ khoa Dược bệnh viện, hình thức thực hiện thông tin thuốc đang sử dụng tại đơn vị thông tin thuốc, Thời gian cần cập nhật và phản hồi thông tin thuốc, mức độ cần thiết phải có một trung tâm chuyên cung cấp thông tin thuốc.

Thu thập và phân tích số liệu: Số liệu được nhập và phân tích bằng phần mềm SPSS 18.0.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU



Hình 1. Biểu đồ đặc điểm giới tính

Nhận xét: Giới tính nữ chiếm 77 cán bộ, nam chiếm 69 cán bộ. Trong đó giới tính nam ở trình độ bác sĩ (43 cán bộ) nhiều hơn ở trình độ điều dưỡng (26 cán bộ)

Bảng 1. Đặc điểm trình độ chuyên môn

Chức danh	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Bác sĩ	68	46,6
Điều dưỡng	78	53,4
Tổng cộng	146	100

Nhận xét: Trình độ bác sĩ chiếm tỷ lệ 46,6% và điều dưỡng chiếm tỷ lệ 53,4%.

Bảng 2. Phân bố đối tượng nghiên cứu theo khoa chuyên môn

Khoa chuyên môn	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Khoa Gây mê hồi sức	21	14,4
Khoa Hồi sức cấp cứu	29	19,9
Khoa HSTC-CĐ	33	22,6
Khoa Ngoại Tổng hợp	15	10,3
Khoa Nội tổng hợp	15	10,3
Khoa Nội Thần kinh-CXK	13	8,9
Khoa Nội Tim mạch	20	13,7
Tổng cộng	146	100

Nhận xét: Nghiên cứu tại 7 khoa chuyên môn. Nhiều nhất là khoa hồi sức cấp cứu 29 cán bộ (19,9%) và khoa hồi sức tích cực – chống độc 33 cán bộ (22,6%).

Bảng 3. Nhận định về hoạt động thông tin thuốc từ đơn vị thông tin thuốc/khoa Dược bệnh viện

Mức độ đáp ứng thông tin thuốc	Bác sĩ (n, %)	Điều dưỡng (n, %)	Tổng cộng (n, %)
Tốt	40 (58,8)	46 (59,0)	86 (58,9)
Bình thường	23 (33,8)	29 (37,2)	52 (35,5)
Chưa tốt	5 (7,4)	3 (3,8)	8 (5,6)
Tổng cộng	68 (46,6)	78 (53,4)	146 (100)

Nhận xét: Nhận định mức độ đáp ứng TTT tốt chiếm tỷ lệ 58,9%, bình thường 35,5% và chưa tốt 5,6%.

Bảng 4. Hình thức trao đổi TTT tại khoa chuyên môn

Hình thức trao đổi thông tin thuốc	Bác sĩ, n=68 (n, %)	Điều dưỡng, n=78 (n, %)	Tổng cộng, n=146 (n, %)
Bảng tin	18 (26,5)	15 (19,2)	33 (22,6)
Email	11 (16,2)	6 (7,7)	17 (11,6)
Tài liệu phát tay/ Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc	35 (51,5)	46 (59)	81 (55,5)
Giao ban	37 (54,4)	40 (51,3)	77 (52,7)
Điện thoại	16 (23,5)	17 (21,8)	33 (22,6)
Phần mềm	19 (27,9)	28 (35,9)	47 (32,2)
Mạng trực tuyến	19 (27,9)	9 (11,5)	28 (19,2)
Hội thảo khoa học	20 (29,4)	17 (21,8)	37 (25,3)
Đào tạo ngắn hạn	10 (14,7)	6 (7,7)	16 (11)
Hình thức khác	0 (0)	1 (1,3)	1 (0,7)

Nhận xét: TTT chủ yếu dùng tài liệu phát tay chiếm 55,5% và giao ban chiếm 52,7%.

Bảng 5. Phương pháp tra cứu thông tin thuốc chủ yếu của cán bộ y tế

Phương pháp tra cứu thông tin thuốc	Bác sĩ, n=68 (n, %)	Điều dưỡng, n=78 (n, %)	Tổng cộng, n=146 (n, %)
Sách báo, tạp chí chuyên ngành	29 (42,6)	43 (55,1)	72 (49,3)
Tài liệu phát tay	19 (27,9)	14 (17,9)	33 (22,6)
Thư điện tử	3 (4,4)	4 (5,1)	7 (4,8)
Điện thoại	20 (29,4)	21 (26,9)	41 (28,1)
Bảng tin khoa Dược	11 (16,2)	37 (47,4)	48 (32,9)
Các website trong nước	28 (41,2)	22 (28,2)	50 (34,2)
Website của Chính phủ, Bộ Y tế Việt Nam	25 (36,8)	16 (20,5)	41 (28,1)
Website của nước ngoài	22 (32,4)	7 (9,0)	29 (19,9)
Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc	32 (47,1)	38 (48,7)	70 (47,9)
Trình dược viên	26 (38,2)	30 (38,5)	56 (38,4)

Nhận xét: Phương pháp tra cứu TTT chủ yếu dựa vào sách báo, tạp chí chuyên ngành chiếm 49,3% và tờ hướng dẫn sử dụng thuốc chiếm 47,9%.

Bảng 6. Thời gian cán bộ cập nhật và phản hồi thông tin thuốc

Khoa chuyên môn	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Mỗi ngày	61	41,8
Mỗi tuần	56	38,4
Mỗi tháng	10	6,8
Khi có ca lâm sàng đặc biệt	19	13,0
Tổng cộng	146	100

Nhận xét: Thời gian cán bộ cập nhật và phản hồi thông tin thuốc mỗi ngày chiếm 41,8% và khi có ca lâm sàng đặc biệt chiếm tỷ lệ 13%.

Bảng 7. Sự cần thiết có trung tâm cung cấp thông tin thuốc

Mức độ cần thiết	Bác sĩ (n, %)	Điều dưỡng (n, %)	Tổng cộng (n, %)
Rất cần thiết	50 (48,5)	53 (51,5)	103 (100)
Cần thiết	18 (41,9)	25 (58,1)	43 (100)
Bình thường	0	0	0
Không ý kiến	0	0	0
Tổng cộng	68 (46,6)	78 (53,4)	146 (100)

Nhận xét: Cả bác sĩ và điều dưỡng đều nhận định mức độ cần thiết phải có trung tâm cung cấp thông tin thuốc, trong đó mức độ rất cần thiết ở bác sĩ chiếm tỷ lệ 48,5% và ở điều dưỡng chiếm tỷ lệ 51,5%.

Bảng 8. Sự cần thiết của thông tin thuốc đối với công việc

Mức độ cần thiết	Bác sĩ (n, %)	Điều dưỡng (n, %)	Tổng cộng (n, %)
Rất cần thiết	63 (46,7)	72 (53,3)	135 (100)
Cần thiết	5 (45,5)	6 (54,5)	11 (100)
Không cần thiết	0	0	0
Không ý kiến	0	0	0
Tổng cộng	68 (46,6)	78 (53,4)	146 (100)

Nhận xét: Cả bác sĩ và điều dưỡng đều nhận định mức độ cần thiết của thông tin

thuốc đối với công việc, trong đó mức độ rất cần thiết ở bác sĩ chiếm tỷ lệ 46,7% và ở điều dưỡng chiếm tỷ lệ 53,3%.

IV. BÀN LUẬN

Trong thời gian nghiên cứu chúng tôi khảo sát 146 cán bộ y tế tại 7 khoa chuyên môn, trong đó nam giới có 69 cán bộ, ít hơn nữ giới là 77 cán bộ.

Trình độ chuyên môn của đối tượng tham gia nghiên cứu có 68 bác sĩ tham gia nghiên cứu chiếm tỷ lệ 46,6 % trong mẫu nghiên cứu và 78 điều dưỡng tham gia nghiên cứu chiếm tỷ lệ 53,4% mẫu nghiên cứu. 146 cán bộ tham gia nghiên cứu được phân bố ở 7 khoa điều trị. Trong đó, nhiều nhất là khoa hồi sức cấp cứu 29 cán bộ (19,9%) và khoa hồi sức tích cực –chống độc 33 cán bộ (22,6%), khoa Gây mê hồi sức 21 cán bộ (14,4%).

Đa số các bác sĩ và điều dưỡng đều đánh giá mức độ đáp ứng TTT là bình thường và tốt chiếm tỷ lệ 94,4%. Tương đồng với nghiên cứu của Phan Khắc Hoàng là đa số các bác sĩ và điều dưỡng đều đánh giá TTT là “rất cần thiết” và “cần thiết” chiếm tỷ lệ 100% [5]. Cũng tương đồng với kết quả khảo sát nhu cầu thông tin thuốc tại bệnh viện E của Bùi Sơn Nhật năm 2017 cho rằng thông tin thuốc là “rất cần thiết” cũng chiếm tỉ lệ tương đương (91,9% và 68,4% tương ứng) [6]. Điều đó chứng tỏ rằng thông tin thuốc có tầm quan trọng trong công việc thường nhật của cán bộ, nhân viên y tế tại bệnh viện. Đây sẽ là động lực giúp khoa Dược trong đó bộ phận dược lâm sàng và thông tin thuốc không ngừng phấn đấu đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ được đề ra. Việc tiếp cận với những thông tin chính xác, cập nhật, khách quan, phù hợp với từng đối tượng là cần thiết để phục vụ cho việc kê đơn, phân phát và sử dụng thuốc hợp lý. Dù cho hệ thống y tế có thể cung cấp thuốc chất lượng tốt như thế nào, nếu những thuốc đó không được sử dụng chính xác, chúng sẽ không có hiệu quả, thậm chí có thể để lại tác dụng không mong muốn. Mặc dù tiếp cận với thông tin thuốc tốt không đảm bảo chắc chắn rằng việc sử dụng thuốc sẽ tốt, nhưng đó là yêu cầu cơ bản cho việc ra quyết định hợp lý liên quan tới thuốc. Trên thế giới năm 1962, Trung tâm thông tin thuốc đầu tiên được thành lập tại Trung tâm y tế Kentucky - Mỹ, do một bộ phận tách ra khỏi khoa Dược chuyên làm nhiệm vụ cung cấp thông tin thuốc [8]. Tại Việt Nam, ngày 9/6/2009, Trung tâm quốc gia về Thông tin thuốc và Theo dõi phản ứng có hại của thuốc đã được thành lập [2]. Đây là đơn vị đầu ngành về thông tin thuốc và cảnh giác dược ở tuyến trung ương, có chức năng giúp Bộ Y tế xây dựng và cung cấp cơ sở dữ liệu thông tin về thuốc bao gồm cả thông tin về cảnh giác dược, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chỉ đạo tuyến, hợp tác quốc tế, tư vấn dịch vụ về thông tin thuốc và cảnh giác dược. Bộ Y tế, Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Y tế ngành và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm tổ chức thông tin thuốc và theo dõi phản ứng có hại của thuốc, kịp thời thông báo tới các đối tượng kê đơn và sử dụng thuốc nhằm đảm bảo sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và hiệu quả.

Bảng 5 đánh giá về hình thức trao đổi TTT tại khoa chuyên môn chủ yếu sử dụng tài liệu phát tay chiếm 55,5% và giao ban 52,7%. Điều này cho thấy cán bộ y tế đang sử dụng các phương pháp trao đổi TTT trực tiếp, chưa ứng dụng các kỹ thuật cao, ứng dụng công nghệ thông tin trong trao đổi thông tin như qua thư điện tử, các ứng dụng dược lâm sàng trên các thiết bị thông minh. Bùi Sơn Nhật năm 2017 cho rằng hình thức TTT mà các bác sĩ muốn nhận được nhiều nhất qua hội thảo khoa học chiếm tỉ lệ 73%, qua mạng trực tuyến là 64,9% [6]. Còn điều dưỡng muốn nhận được thông tin nhiều nhất qua giao ban (47,4%), qua phần mềm (36,8%).

Tình hình cập nhật thông tin thuốc mỗi ngày chỉ chiếm 41,8% cho cả hai đối tượng cán bộ y tế khảo sát. Kết quả này chưa đạt trên 50%, phản ánh tính tự tìm tòi thông tin thuốc của cán bộ y tế chưa cao, riêng trường hợp khi có ca lâm sàng đặc biệt tỷ lệ này chiếm 13% nói lên nền tảng kiến thức của cán bộ chưa được trang bị cập nhật đầy đủ theo yêu cầu chuyên môn. Thông tin thuốc phải chính xác, khách quan, trung thực, đầy đủ, cập nhật, hệ thống hóa, định hướng cho cán bộ y tế. Đối với thông tin thuốc trong quảng cáo, cần đạt các tiêu chuẩn đạo đức cần thiết (Bộ Y tế ban hành). Do đó, dược sĩ có vai trò then chốt trong cung cấp thông tin thuốc cho bác sĩ kê đơn, điều dưỡng, bệnh nhân, cán bộ quản lý liên quan đến thuốc và cộng đồng [8]. Để làm tốt công tác thông tin thuốc đối với Hội đồng Thuốc và Điều trị, với thầy thuốc và bệnh nhân, người dược sĩ phải làm công việc gọi là “tiếp cận lâm sàng” (theo dõi bệnh nhân theo dõi các ca lâm sàng), cần có phương pháp thích hợp và thái độ đúng mực trong giao tiếp (khiêm tốn, tự tin, chu đáo, thận trọng,...).

V. KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu 146 cán bộ y tế về thông tin thuốc tại 7 khoa chuyên môn thuộc Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ năm 2020, rút ra các kết luận sau: Mức độ đáp ứng TTT tốt chiếm 58,9%, bình thường 35,5% và chưa tốt 5,6%. TTT dùng tài liệu phát tay chiếm 55,5% và giao ban 52,7%. Hình thức trao đổi TTT chủ yếu dựa vào sách báo, tạp chí chuyên ngành chiếm 49,3%, tờ hướng dẫn sử dụng thuốc 47,9%. Mức độ rất cần thiết về nhu cầu trung tâm cung cấp TTT chiếm 70,5% và cần thiết 29,5%. Mức độ cần thiết của TTT đối với công việc ở bác sĩ chiếm 46,7%, điều dưỡng 53,3%. Thời gian cán bộ cập nhật và phản hồi thông tin thuốc mỗi ngày chiếm 41,8%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bệnh viện Đa khoa Thành phố Cần Thơ (2004), *Quy trình thông tin thuốc tại Bệnh viện Đa khoa Thành phố Cần Thơ*
2. Bộ Y tế (2009), *Quyết định số 991/QĐ-BYT ngày 25/02/2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Trung tâm Quốc gia về Thông tin thuốc và theo dõi phản ứng có hại của thuốc.*
3. Bộ Y tế (2012), *Thông tư 31/2012/TT-BYT ngày 20/12/2012 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn hoạt động dược lâm sàng trong bệnh viện.*
4. Bộ Y tế (2018), *Thông tư 07/2018/TT-BYT ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Bộ Y tế về việc quy định một số điều về kinh doanh dược của luật dược và nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật dược.*
5. Phan Khắc Hoàng (2019), *Nghiên cứu tình hình thực hiện thông tin thuốc và các yếu tố liên quan tại bệnh viện Ung bướu thành phố Cần Thơ năm 2019*, Đề tài khoa học cấp Thành phố.
6. Bùi Sơn Nhật (2017), *Khảo sát nhu cầu thông tin thuốc tại bệnh viện E*, Khóa luận tốt nghiệp, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam
7. Quốc hội (2016), *Luật Dược số 105/2016/QH.13*, tr. 53-54
8. American Society of Health-System Pharmacists (2015), *ASHP Guidelines on the Pharmacist's Role in Providing Drug Information*, *American Journal of Health-System Pharmacy*, 72 (7), 573-577
9. MS Umashankar, KS Lakshmi, A Bharath Kumar, A Porselvi (2017), *Review on Benefits of Drug Information Center Services: A New Transpiring Practice to Health Care Professionals in Hospitals*, *Journal of Chemical and Pharmaceutical Research*, 9(5), 28-38.

(Ngày nhận bài: 30/12/2020 - Ngày duyệt đăng: 02/04/2021)